

Nâng cao năng lực quản lý KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học

Nguyễn Thị Hương Quỳnh¹, Phạm Thu Hà²

¹Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo

²VNPT Vinaphone Hà Nội

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) được các nước trên thế giới xem là chỉ tiêu hàng đầu trong đánh giá và xếp hạng các trường đại học. Trường đại học là yếu tố chính trong một chuỗi xoắn của mối quan hệ giữa trường đại học, chính phủ và sản xuất. Do đó, vấn đề quản lý KH&CN ở trường đại học không chỉ có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với địa phương mà còn trên phạm vi quốc gia, thậm chí là tầm quốc tế, bởi sự thay đổi trong kinh tế - xã hội của mỗi vùng phụ thuộc vào hoạt động của các trường đại học ở nơi đó. Bài báo xem xét và đánh giá những vấn đề bất cập trong quản lý KH&CN ở các trường đại học Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm cải thiện động lực và chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học, xứng đáng là nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong tương lai.

Đặt vấn đề

KH&CN có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Trên thế giới, kết quả hoạt động KH&CN là chỉ tiêu hàng đầu để đánh giá, xếp hạng các trường đại học, vì đó là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội và tạo ra những tri thức mới, sản phẩm mới phục vụ cho sự phát triển của quốc gia nói riêng và nhân loại nói chung. Các trung tâm nghiên cứu lớn, đặc biệt là các trường đại học, được chính phủ các nước xem là nơi thể hiện uy tín của quốc gia về nghiên cứu, giáo dục bậc cao và đổi mới. Trường đại học là yếu tố chính trong một chuỗi xoắn của mối quan hệ giữa trường đại học, chính phủ và ngành công nghiệp [1]. Do đó, vấn đề quản lý KH&CN ở trường đại học không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với phạm vi địa phương mà còn cả tầm quốc



Hoạt động nghiên cứu khoa học tại Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ enzyme và protein - Đại học Quốc gia Hà Nội.

gia và quốc tế. Belkin (2012) cho rằng, sự thay đổi trong kinh tế - xã hội của các địa phương phụ thuộc vào hoạt động của các trường đại học ở nơi đó [2].

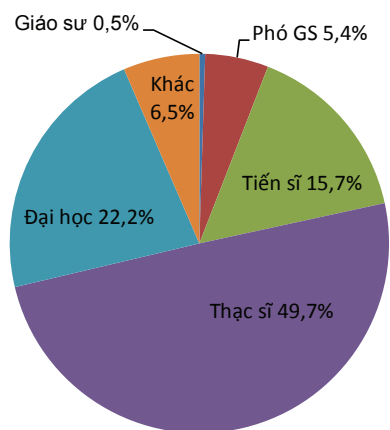
Ở Việt Nam, KH&CN được coi là quốc sách hàng đầu, thể hiện

rõ trong nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII đã nêu: “Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào

sản xuất và đời sống”. Hàng năm, Nhà nước dành khoảng 16% tổng chi ngân sách cho các hoạt động giáo dục - đào tạo và KH&CN. Tuy nhiên những đóng góp của hoạt động KH&CN vào sự phát triển đất nước vẫn còn khiêm tốn, khả năng ứng dụng, chuyển giao các công trình nghiên cứu vào thực tế còn ít. Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ hạn chế về nguồn lực, đầu tư cho KH&CN còn thấp, đào tạo và đãi ngộ cán bộ KH&CN còn nhiều bất cập... Dưới đây sẽ tập trung xem xét, đánh giá vấn đề năng lực quản lý KH&CN trong các trường đại học, yếu tố quan trọng để phát triển hoạt động KH&CN, để từ đó đưa ra một số gợi ý nhằm cải thiện năng lực quản lý KH&CN tại các trường đại học.

Một số vấn đề trong quản lý KH&CN

Hoạt động quản lý KH&CN trong các trường đại học là một nhiệm vụ có nhiều thách thức. Với những hạn chế về nguồn lực tài chính, con người cũng như cơ chế quản lý đã dẫn đến hoạt động nghiên cứu khoa học ở các trường đại học dưới mức tiềm năng.



Hình 1. Đội ngũ cán bộ trong các trường đại học phân theo trình độ.

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015).

Bảng 1. Cơ cấu nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN ở các trường đại học.

Nguồn cấp kinh phí	Tỷ lệ (%)
1. Từ nguồn ngân sách nhà nước	85,49
1.1 Ngân sách trung ương	65,02
1.2 Ngân sách địa phương	20,47
2. Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước	10,81
2.1 Doanh nghiệp	1,20
2.2 Trường đại học, đơn vị sự nghiệp khác	6,00
2.3 Nguồn ngoài NSNN khác	3,61
3. Nước ngoài	3,70
Tổng	100,00

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo hình 1, với đội ngũ cán bộ gần 30000 người công tác tại các trường đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý thì chỉ có gần 15,7% có trình độ tiến sĩ, là đội ngũ có thể đảm đương được hoạt động nghiên cứu khoa học độc lập. Nếu xét về tổng số cán bộ KH&CN trong cả nước, bao gồm cả các trường đại học được quản lý bởi các bộ/ngành chủ quản khác thì tỷ lệ nhân lực có trình độ tiến sĩ chỉ khoảng 11,6%, trong đó chỉ khoảng 0,25% có học hàm giáo sư và 2,5% có học hàm phó giáo sư; nhân lực có trình độ thạc sĩ chiếm khoảng 45%...

Bảng 1 mô tả cơ cấu về nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN ở các trường đại học trên cả nước. Phần lớn nguồn kinh phí được lấy từ ngân sách nhà nước, chiếm tới hơn 85% tổng số kinh phí dành cho KH&CN. Số liệu cho thấy, các trường đại học còn lệ thuộc quá nhiều vào ngân sách nhà nước, trong khi các nguồn tài trợ bên ngoài, đặc biệt là từ nước ngoài là rất nhỏ. Thực trạng này có thể lý giải về hạn chế trong năng lực và sự thiếu chủ động, thiếu quan tâm trong hoạt động KH&CN của các trường đại học, vì thế tất yếu dẫn tới kết quả hoạt động KH&CN không xứng tầm để tạo nên những thay đổi trong đời sống kinh tế - xã hội như các

trường đại học trên thế giới. Một số vấn đề bất cập trong quản lý KH&CN hiện nay ở các trường đại học có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, việc xác định và tổ chức thực hiện các đề tài KH&CN chưa thực sự gắn liền với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bản thân nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi, phát triển và hội nhập, có rất nhiều vấn đề cần được tiến hành nghiên cứu nhưng với nguồn lực giới hạn nên việc ưu tiên và chú trọng vào một số vấn đề là cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay việc phân định quyền hạn và trách nhiệm trong xác định nhiệm vụ KH&CN là chưa rõ ràng, dẫn đến tình trạng trùng lặp các vấn đề nghiên cứu giữa các trường là không thể tránh khỏi. Các chủ đề nghiên cứu chủ yếu được đề xuất từ các cá nhân ở các trường, trong một số trường hợp có khả năng phát huy được tính sáng tạo của các nhà khoa học nhưng lại làm cho các đề tài nghiên cứu bị phân tán, dàn trải, không có sự bổ sung cho nhau, cản trở việc thực hiện các dự án lớn có tầm chiến lược, mang tính nền tảng hoặc định hướng lâu dài. Ngoài ra, tiêu chuẩn lựa chọn và việc tổ chức lựa chọn các đề tài, chuyên gia tham gia các hội đồng tư vấn còn bất cập, chưa thực sự khách quan, vẫn còn mang nặng

tư tưởng xin cho.

Thứ hai, cơ chế chính sách tài chính chưa tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho các trường đại học và cá nhân hoạt động KH&CN. Cần phải tìm được sự dung hòa giữa việc đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của các nhà khoa học trong thực hiện chi tiêu hiệu quả và khả năng kiểm soát của các nhà quản lý tài chính trong việc đảm bảo các khoản chi đúng mục đích và tiết kiệm. Hiện nay, các khoản chi thường được chia nhỏ thành các hạng mục rất chi tiết, có định mức chi cụ thể, rõ ràng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm soát các khoản chi tiêu cho KH&CN. Nhưng chính điều này cũng làm cho công tác quản lý trở nên cứng nhắc, dễ bị lạc hậu, thậm chí nhiều định mức chi tiêu không thực sự hợp lý, mang nặng tính chủ quan vì bản thân các cơ quan quản lý thường đưa ra các định mức chi thấp để đảm bảo nguyên tắc “tránh lãng phí”. Thực trạng này làm cản trở việc giải ngân các đề tài nghiên cứu khoa học. Thêm vào đó, các quy định cứng không cho phép bất kỳ một sự linh hoạt nào so với dự toán ban đầu cũng làm cho các trường đại học và các chủ nhiệm đề tài gặp nhiều khó khăn trong xử lý các chi phí phát sinh, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và thời gian dành cho công tác chuyên môn. Quy định quá chi tiết còn dẫn tới sự rườm rà trong thủ tục và giấy tờ để minh chứng cho các khoản chi. Bản thân các chủ nhiệm đề tài không nắm hết được các quy định mang tính hành chính trong khi hầu hết các trường chưa có bộ phận chuyên trách theo dõi, hướng dẫn công việc này, từ đó tạo áp lực không nhỏ cho các nhà nghiên cứu về cả thời gian và vật chất, ảnh hưởng tới chất

lượng của các công trình nghiên cứu. Mặt khác, cơ chế phân bổ kinh phí nghiên cứu khoa học của cơ quan quản lý còn chưa hợp lý như: chất lượng đề tài chưa tương xứng với kinh phí, phân bổ kinh phí dựa trên số lượng người nghiên cứu có học hàm, học vị...

Thứ ba, cơ chế quản lý và đãi ngộ các nhà nghiên cứu trong các trường đại học vẫn chưa tạo động lực để các giảng viên, nhà nghiên cứu đầu tư công sức và phát huy năng lực sáng tạo. Có ý kiến cho rằng, ngay từ cách thức xây dựng đội ngũ, tuyển dụng các nhà nghiên cứu đang đi theo hướng ngược với thế giới ở tất cả các bước [3]. Chủ yếu các giảng viên, các nhà nghiên cứu ở các trường đại học Việt Nam là sinh viên đã được đào tạo từ nhà trường, trong khi đó ở phương Tây hạn chế tối đa các ứng viên này vì nguồn nhân lực như vậy sẽ hạn chế tính sáng tạo do thiếu tính cạnh tranh. Các nhà khoa học trẻ nếu tiếp tục làm nghiên cứu ở nơi ông thầy hướng dẫn mình sẽ mất đi cơ hội phát triển, sự độc lập với người thầy hầu như không có. Thêm vào đó, quy trình tuyển chọn giảng viên mang nặng tính hành chính, không có tính đặc thù của môi trường hàn lâm cũng làm hạn chế khả năng phát triển đội ngũ nghiên cứu trong các trường đại học.

Chế độ làm việc và thu nhập hiện nay ở các trường đại học chưa thể tạo động lực để các giảng viên tập trung vào nghiên cứu, bởi chế độ trả lương, thưởng dựa chủ yếu vào giờ giảng dạy chứ không phải giờ nghiên cứu khoa học. Đơn cử là quy định về việc thực hiện giờ chuẩn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nếu giảng viên không thực hiện đủ giờ nghiên cứu khoa học thì sẽ được thay thế bằng giờ giảng nhưng nếu giờ giảng không

đủ, cho dù giảng viên có thừa bao nhiêu giờ nghiên cứu khoa học thì vẫn không thể được xem là hoàn thành nhiệm vụ. Điều này đã làm triệt tiêu động lực để các giảng viên nghiên cứu khoa học. Vì hoạt động nghiên cứu khoa học phải mất nhiều công sức tìm tòi, đòi hỏi tính sáng tạo cao mà lại không được ghi nhận, trong khi đó công việc giảng dạy hiện nay vẫn chỉ dừng lại ở truyền thụ lý thuyết một chiều nên các giảng viên thường chỉ bỏ công sức và thời gian cho lần đầu tiên chuẩn bị giáo án. Hơn nữa, mức lương của giảng viên vẫn còn thấp về định lượng và cứng nhắc về cơ chế, dẫn đến sự phức tạp và thiếu minh bạch, vẫn phải tập trung vào giảng dạy để có thu nhập.

Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học

Công tác giảng dạy và nghiên cứu của các trường đại học sẽ mang lại các lợi ích to lớn cho xã hội về các giá trị đạo đức, kinh tế, tri thức... Để góp phần cải thiện các vấn đề trong quản lý KH&CN ở các trường đại học như đã nêu trên cần có những hành động sau:

Một là, xây dựng quy chế, quy định cụ thể cho hoạt động quản lý KH&CN. Các quy chế phải vừa tạo được khả năng giám sát nhưng vẫn đảm bảo được sự khuyến khích, phát huy được “tính tự do sáng tạo” trong nghiên cứu. Đây không phải là công việc dễ dàng vì có rất nhiều nhà nghiên cứu thường tránh né những vấn đề mang tính quản lý, hành chính bởi họ cho rằng nó làm mất sự tự do, ảnh hưởng tới năng suất làm việc cũng như khả năng sáng tạo. Nghiên cứu đối với 27 khoa ở 10 trường đại học của Canada đã đưa ra kết luận: 4 trong số các trường này cho

ràng nghiên cứu không thích hợp với việc lên kế hoạch. Theo họ, hành động kiểm soát giảng viên là một vi phạm nghiêm trọng về tự do học thuật [4]. Trong khi đó, ở Việt Nam lại có quá nhiều thủ tục rườm rà, không cần thiết, làm hạn chế sự sáng tạo và hiệu quả trong nghiên cứu. Vì thế, cần phải có sự hài hòa giữa vấn đề quản lý với sự tự do trong nghiên cứu. Cụ thể, có thể đưa ra một số quy định như sau:

- Mỗi giảng viên phải thực hiện hai nhiệm vụ song song là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, thậm chí phải có quy định bắt buộc như có tham gia nghiên cứu khoa học thì mới được giảng dạy. Đối với những giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học nhiều có thể được chuyển đổi sang giờ giảng dạy theo một tỷ lệ nhất định khi xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

- Gắn chặt nghiên cứu khoa học với đào tạo sau đại học. Đề tài của nghiên cứu sinh và học viên cao học phải gắn liền với hoạt động nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh và học viên cao học có đề tài nghiên cứu đúng với hướng đề tài luận án/luận văn của họ.

- Hàng năm, giảng viên phải có ít nhất một bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong/ngoài nước và gắn với các tiêu chuẩn thi đua, khen thưởng...

- Cần có chế độ khuyến khích và ràng buộc hợp lý để tạo động lực cho cán bộ, giảng viên tự nguyện và tích cực tham gia nghiên cứu khoa học theo nguồn kinh phí các cấp hàng năm. Ví dụ: đề tài cấp trường nên ưu tiên cho giáo viên trẻ, có thể cho nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học chủ trì; chủ nhiệm đề tài cấp trường không cần có học hàm, học vị. Chủ nhiệm đề tài cấp bộ và cấp địa phương phải là người

có kinh nghiệm giảng dạy và đăng được ít nhất 5 bài báo khoa học trở lên, đã có đề tài cấp trường được nghiệm thu. Chủ nhiệm đề tài cấp nhà nước phải có đề tài cấp bộ hay cấp địa phương đã được nghiệm thu, đã đăng được ít nhất 10 bài báo khoa học trở lên.

- Nhà trường cần tạo động lực khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học bằng cách nâng cao mức thưởng cho sinh viên thông qua các hình thức: điểm thưởng học tập, điểm thưởng rèn luyện và vật chất.

Hai là, xây dựng kế hoạch cho các hoạt động nghiên cứu khoa học. Các kế hoạch mang tính chiến lược cần được xây dựng hợp lý và phổ biến rộng rãi bởi nó sẽ phản ánh hướng đi và mục tiêu, nhiệm vụ của trường. Phổ biến công khai các kế hoạch mang tính chiến lược cũng là một cách gửi thông điệp tới những đơn vị có khả năng tài trợ cho những dự án nghiên cứu. Các kế hoạch mang tính chiến lược cũng cần có sự linh hoạt, không nên quá cụ thể để có thể cập nhật và thích ứng với những thay đổi khi cần thiết. Một kế hoạch mang tính chiến lược thường được xây dựng từ “trên xuống dưới” nhưng đôi khi cũng có thể từ “dưới lên trên” hoặc kết hợp hai hình thức này. Với một chiến lược từ “trên xuống dưới”, Ban Giám hiệu và Hội đồng trường sẽ đưa ra những mục tiêu trong hoạt động nghiên cứu, Phó Hiệu trưởng phụ trách khoa học và Phòng quản lý KH&CN sẽ phải chuẩn bị kế hoạch chi tiết để đạt được mục tiêu đã đề ra. Nhiệm vụ này sẽ được tham vấn với lãnh đạo các khoa, đơn vị liên quan thông qua các buổi họp, thảo luận. Cuối cùng sẽ đưa ra văn bản chính thức và được thông qua bởi Hội đồng khoa học của trường.

Ba là, tổ chức quản lý sát sao hoạt động KH&CN. Dựa trên những kế hoạch thực hiện của các đề tài đã được nêu trong thuyết minh, bộ phận phụ trách theo dõi quá trình thực hiện đề tài (mỗi cấp nên có một người chuyên trách) cần phải lấy thông tin về quá trình thực hiện đề tài thường xuyên, ví dụ 6 tháng/lần đối với đề tài trên 2 năm và 3-4 tháng/lần đối với đề tài dưới 2 năm. Một mặt để biết được những khó khăn trong quá trình thực hiện đề tài, từ đó có điều chỉnh kịp thời, mặt khác để giảm bớt vấn đề gia hạn và quá hạn.

Bốn là, việc phê duyệt, đánh giá và nghiệm thu đề tài cần có quy trình rõ ràng, được công bố công khai, các biểu mẫu phải được chuẩn hóa. Đánh giá và nghiệm thu nên bám sát vào sản phẩm của đề tài. Có chính sách thưởng với những đề tài hoàn thành xuất sắc, có thêm sản phẩm được công bố và cũng có chế độ phạt với những đề tài không đạt yêu cầu ✍

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] H. Etzkowitz and L. Leydesdorff (2000), “The dynamics of innovation: from national systems and “mode 2” to a triple helix of university-industry-government relations”, *Research Policy*, **29**, pp.109-123.

[2] D. Belkin (2012), “Tough times for Colleges and College towns”, *Wall Street Journal*, p.a2.

[3] Ngô Bảo Châu (2014), *Hội thảo về “Cải cách giáo dục đại học”*, TP Hồ Chí Minh.

[4] C.M. Sa and M. Tamtik (2012), “Strategic planning for academic research: a Canadian perspective”, *Higher Education Management and Policy*, **24**, pp.1-19.